

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 70/2024/DS-ST
Ngày: 18/6/2024
“V/v tranh chấp hợp đồng dân
sự vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Lắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đào Thị T Vân;

2. Bà Phan Thị Nga.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Trọng Khiêm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Phước Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 137/2024/TLST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2024 về việc “tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 264/2024/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 260/2024/QĐST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bảo T, sinh năm 1984; địa chỉ: ấp Bình T, xã Bình Phước X, huyện C, tỉnh An Giang; có mặt.

Bị đơn:

- Bà Nguyễn Thanh T2, sinh năm 1975; địa chỉ: ấp Tấn B, xã Tấn M, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

- Ông Nguyễn Văn H (N), sinh năm 1972; địa chỉ: ấp Tấn B, xã Tấn M, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Kim C, sinh năm 1980; địa chỉ: ấp Tấn B, xã Tấn M, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bảo T cho rằng, do mối quan hệ quen biết nên bà T có cho vợ chồng ông Nguyễn Văn H (N) và bà Nguyễn Thanh T2 vay tiền nhiều lần, tổng cộng số tiền 1.400.000.000 đồng, không làm biên nhận, mục đích vay tiền để làm vốn trồng xoài, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, không thỏa thuận thời gian trả, ông H và bà T2 trực tiếp nhận tiền. Đến ngày 01/6/2023, các bên thỏa Tân thống nhất làm giấy vay tiền 1.400.000.000 đồng, mẫu do bà T chuẩn bị, nội dung do ông chồng bà T ghi, bà T2 đại diện ký tên, thỏa Tân thời hạn vay 3 tháng, lãi suất thỏa Tân miệng 3%/tháng, không thể hiện trong hợp đồng.

Trong quá trình vay, bà T2 và ông H có trả lãi cho bà T số tiền 12.000.000 đồng, thông qua chuyển khoản Ngân hàng (do bà Nguyễn Kim C, sinh năm 1980, cùng ngụ địa chỉ với bà T2, ông N chuyển dùm). Tuy nhiên đến nay, ông N, bà T2 chưa trả vốn mặc dù bà T có gặp bà T2, ông N yêu cầu trả nợ nhiều lần.

Vì vậy, bà Nguyễn Thị Bảo T yêu cầu bà Nguyễn Thanh T2 có nghĩa vụ trả số tiền 1.400.000.000 (một tỷ bốn trăm triệu) đồng, yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày Tòa án thụ lý đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm. Rút lại yêu cầu khởi kiện đối với ông Nguyễn Văn H (N) về nghĩa vụ trả số tiền 1.400.000.000 (một tỷ bốn trăm triệu) đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày thụ lý đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm. Tự nguyện khấu trừ số tiền lãi bà T2, ông H đã trả 12.000.000 đồng theo quy định của pháp luật.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là: Tờ tự khai của bà Nguyễn Thị Bảo T và Giấy vay tiền ngày 01/6/2023 có chữ ký, ghi họ và tên của bà Nguyễn Thị Bảo T, bà Nguyễn Thanh T2 và của người làm chứng Nguyễn Ngọc N1 (đã đối chiếu bản chính).

- Bị đơn ông Nguyễn Thanh H (N), bà Nguyễn Thanh T2, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Kim C đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bảo T vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử; xác định không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, từ khi thụ lý vụ án cho đến khi phiên tòa được mở, ông Nguyễn Thanh H (N), bà Nguyễn Thanh T2 và bà Nguyễn Kim C vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H, bà C theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bảo T; Buộc bà Nguyễn Thanh T2 trả bà Nguyễn Thị Bảo T tổng số tiền 1.424.550.000 đồng; Đình chỉ xét xử yêu cầu ông Nguyễn Văn H cùng bà Nguyễn Thanh T2 trả tiền.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

** Về tố tụng:*

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bà Nguyễn Thị Bảo T khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thanh T2, ông Nguyễn Văn H (N) trả nợ vay. Bà Nguyễn Thanh T2, ông Nguyễn Văn H (N) cùng cư trú trên địa bàn huyện C nên yêu cầu kiện của bà T Tộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Trước khi phiên tòa được mở, bà Nguyễn Thanh T2, ông Nguyễn Văn H (N) và bà Nguyễn Kim C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Cho nên, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T2, ông H (N) và bà C theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

** Về nội dung:*

[3] Về việc xác lập và thực hiện hợp đồng vay tài sản:

Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bảo T cho rằng, do mối quan hệ quen biết nên bà T có cho vợ chồng ông Nguyễn Văn H (N) và bà Nguyễn Thanh T2 vay nhiều lần với tổng số tiền 1.400.000.000 đồng, không làm biên nhận, mục đích vay tiền để làm vốn trồng xoài, lãi suất thỏa Tận 3%/tháng, không thỏa Tận thời gian trả. Đến ngày 01/6/2023, các bên thỏa Tận thống nhất làm giấy vay tiền 1.400.000.000 đồng, bà T chuẩn bị nội dung, bà T2 có ký tên người vay, ông H (N) không có ký nhận vay, bà T ký nhận người cho vay, lãi suất thỏa Tận 3%/tháng nhưng không thể hiện trong biên nhận, chỉ nói miệng với nhau.

Trong quá trình vay, bị đơn có trả lãi cho bà T số tiền 12.000.000 đồng thông qua chuyển khoản Ngân hàng do bà Nguyễn Kim C thực hiện thay.

Lời khai của nguyên đơn phù hợp với nội dung giấy vay tiền ngày 01/6/2023 về số tiền vay, thời hạn vay do nguyên đơn cung cấp.

Vì vậy, có căn cứ xác định, bà T2 có vay của bà T số tiền 1.400.000.000 đồng, có nhận lãi của bà T2 12.000.000 đồng, thời hạn vay 3 tháng sẽ trả lại số tiền đã nợ nhưng chưa thanh toán nợ.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Do bà T2, ông H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà T khởi kiện yêu cầu bà T2, ông H trả nợ gốc 1.400.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày Tòa án thụ lý đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm. Tuy nhiên, bà T rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông H về nghĩa vụ cùng với bà T2 trả số tiền vay 1.400.000.000 đồng và lãi suất theo quy định kể từ ngày Tòa án thụ lý đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà T đối với ông H là phù hợp với Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; bà T2 có nghĩa vụ trả số tiền vay 1.400.000.000 đồng cho bà T là phù hợp với quy định tại các Điều 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đối với yêu cầu tính lãi: Bà T yêu cầu bà T2 trả lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày Tòa án thụ lý (14/3/2024) đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm và tự nguyện khấu trừ số tiền lãi bà T2 đã trả 12.000.000 đồng. Xét thấy, bà T xác định hai bên thỏa Tận lãi suất 3%/tháng nhưng không thể hiện trong nội dung biên nhận, chỉ nói miệng với nhau và bị đơn cũng không có ý kiến đối với thỏa Tận lãi suất, nguyên đơn cũng không có chứng cứ chứng minh nên căn cứ quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự được hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, tiền lãi được tính như sau:

- Từ ngày 14/3/2024 đến ngày 18/6/2024 là: 1.400.000.000 đồng x 0.83%/tháng (10%/năm) x 3 tháng 4 ngày = 36.550.000 đồng.

- Số tiền lãi còn lại bà T2 phải trả cho bà T sau khi khấu trừ là: 36.550.000 đồng - 12.000.000 đồng = 24.555.000 đồng.

Như vậy, tổng nợ gốc và lãi bà T2 có nghĩa vụ thanh toán cho bà T là 1.424.555.000 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải thanh toán cho bà Hằng là 54.736.650 đồng.

Bà T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn lại cho bà T số tiền tạm ứng án phí 27.000.000 đồng mà bà T đã nộp.

Ông H, bà C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 147, 244, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bảo T đối với ông Nguyễn Thanh H (N) có nghĩa vụ cùng với bà Nguyễn Thanh T2 trả số tiền vay 1.400.000.000 (một tỷ, bốn trăm triệu) đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày Tòa án thụ lý đến khi xét xử sơ thẩm.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bảo T.

Buộc bà Nguyễn Thanh T2 có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Bảo T số tiền 1.424.555.000 (một tỷ, bốn trăm hai mươi bốn triệu, năm trăm năm mươi lăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thanh T2 phải chịu 54.736.650 (năm mươi bốn triệu, bảy trăm ba mươi sáu nghìn, sáu trăm năm mươi) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Bảo T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Bảo T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 27.000.000 (hai mươi bảy triệu) đồng theo biên lai T tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015226 ngày 14 tháng 3 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự huyện C.

Ông Nguyễn Thanh H (N), bà Nguyễn Kim C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Nguyễn Thị Bảo T có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bà Nguyễn Thanh T2, ông Nguyễn Thanh H (N) và bà Nguyễn Kim C được tính là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- VKSND huyện C;
- TAND tỉnh An Giang;
- Cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Lắm